

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số 33/2025/HS-ST
Ngày 19 tháng 3 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phương Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khưu Liên Dung

2. Bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tô Hồng Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lư Thị K, sinh ngày 01/01/1976, tại Bạc Liêu; Giới tính: Nữ. Nơi cư trú: Số E, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 05/12. Con ông Lư Văn S, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952. Chồng là ông Lê Văn S1, sinh năm: 1974 (đã chết). Có 02 người con, lớn sinh năm 2000 và nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo Lư Thị K bị khởi tố bị can ngày 26/6/2024, đến ngày 12/7/2024 bị bắt tạm giam cho đến nay. (Có mặt).

*** Bị hại:**

1- Trần Thị Ú, sinh năm 1963. Địa chỉ: **Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.** (Vắng mặt).

2- Trần Thị E, sinh ngày 01/01/1963. Địa chỉ: **Số B, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.** (Vắng mặt).

3- Huỳnh A M, sinh ngày 06/6/1978. Địa chỉ: (Cơ sở buôn bán nước giải khác C) Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

4- Quách Tài L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số H, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

5- Lý Ngọc B, sinh ngày 13/02/ 1983. ĐKTT: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện tại: **Khóm H, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.** (Có mặt).

6- Trần Thùy L1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số B, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

7- La Tài T, sinh năm 1978. Địa chỉ: **Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.** (Vắng mặt).

8- Dương Thị N, sinh ngày 01/01/1965. Địa chỉ: Số C, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

9- Huỳnh Ngọc H1, sinh ngày 08/3/1963. Địa chỉ: Số B, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

10- Ngô Thị L2, sinh ngày 01/01/1964. Địa chỉ: Số A, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

11- Mã Lệ H2, sinh ngày 01/01/1969. Địa chỉ: Số G, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

12- Trương Thị Tú T1 (tên gọi khác: G), sinh năm 1979. Địa chỉ: **Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.** (Có mặt).

13- Trần Văn Đ, sinh ngày 01/01/1973. Địa chỉ: **Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.** (Có mặt).

14- Phạm Thị Xuân L3, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số B, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

15- Phạm Thị X, sinh ngày 01/01/1990. Địa chỉ: **Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.** (Vắng mặt).

16- Lư Hồng P, sinh ngày 01/01/1982. Địa chỉ: **Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.** (Vắng mặt).

17- Chung Thị H3, sinh năm 1943. Địa chỉ: **Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.**

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Chung Thị H3: Ông Hứa Văn N1, sinh ngày 02/8/1972 (*Trú tại: Số A, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu*); ông Hứa H4, sinh ngày 01/01/1974 (*Trú tại: Số E, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu*).

Liêu); bà Hứa Mỹ L4, sinh ngày 01/01/1976 (*Trú tại: Số E, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu*); ông Hứa T2, sinh ngày 23/12/1979 (*Trú tại: Số E, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu*). Ông Hứa Văn N1, ông Hứa H4, bà Hứa Mỹ L4 cùng uỷ quyền cho ông Hứa T2. (Vắng mặt).

18- Lâm Thị N2, sinh ngày 15/01/1972. Địa chỉ: Số A, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

19- Trần Thị T3, sinh ngày 01/01/1967. Địa chỉ: **Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**. (Vắng mặt).

20- Cao Thanh H5, sinh ngày 01/01/1969. Địa chỉ: **Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**. (Vắng mặt).

21- Nguyễn Thanh H6, sinh ngày 01/01/1991. Địa chỉ: Số C, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1- Lê Thị Mỹ C, sinh ngày 08/7/2000. Địa chỉ: **Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu**. (Vắng mặt).

2- Lê Thị H7, sinh ngày 01/01/1978. Địa chỉ: Số C, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

3- Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 01/01/1966. Địa chỉ: Số C, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

4- Huỳnh Văn G1, sinh ngày 01/01/1967. Địa chỉ: **P, Xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu**. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 7/2019, bị cáo Lư Thị K có hành vi lợi dụng việc làm chủ hội tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu rồi dùng thủ đoạn gian dối lấy tên không tham gia chơi hội để hốt hội và bán hội không cho hội viên đối với dây hội 3.000.000 đồng, mở ngày 17/7/2019 (tức là ngày 15/6/2019 âm lịch) để chiếm đoạt của các ông, bà: Trần Văn Đ, Trương Thị Tú T1, Chung Thị H3, Ngô Thị L2, Phạm Thị Xuân L3, Lâm Thị N2, Trần Thị E; Huỳnh A M; Quách Tài L, Lý Ngọc B, Trần Thùy L1, La Tài T, Dương Thị N, Huỳnh Ngọc H1, Mã Lệ H2, Phạm Thị X, Lư Hồng P, Trần Thị T3, Cao Thành H8, Nguyễn Thanh H6, Trần Thị Ú với tổng số tiền là 371.100.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 115/ CT-VKS-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu đã truy tố bị cáo Lư Thị K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà có quan điểm không thay đổi so với bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại . Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lư Thị K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.
- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lư Thị K mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.
- Về vật chứng của vụ án: Đối với các giấy tờ, tài liệu do ông La Văn T4, bà Trần Thị Bích T5, bà Chung Thị H3, bà Trương Thị Tú T1 và ông Huỳnh Văn G1 cung cấp liên quan việc chơi hụi, đưa vào hồ sơ vụ án.
- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lư Thị K bồi thường cho ông Trần Văn Đ số tiền 90.450.000 đồng; bà Trương Thị Tú T1 số tiền 72.450.000 đồng; bà Chung Thị H3 (đại diện thừa kế anh Hứa T2 nhận) số tiền 74.750.000 đồng; bà Ngô Thị L2, bà Phạm Thị Xuân L3 và bà Lâm Thị N2 mỗi người số tiền 12.900.000 đồng; bà Dương Thị N, bà Huỳnh Ngọc H1, bà Mã Lệ H2, bà Phạm Thị X, bà Trần Thị T3 và ông Nguyễn Thanh H6 mỗi người số tiền 6.450.000 đồng. Ngày 29/3/2020, bị can Lư Thị K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giao nộp số tiền 50.000.000 đồng, để được thoả thuận trả lại cho các hụi viên. Ngày 18/5/2021, ông Huỳnh Văn G1 giao nộp số tiền 5.000.000 đồng và ngày 15/8/2024, bà Lý Ngọc B (người thân gia đình bị can K) giao nộp số tiền 20.000.000 đồng khắc phục hậu quả, tổng số tiền khắc phục hậu quả là 25.000.000 đồng nên được khấu trừ vào trách nhiệm dân sự.

Bà Trần Thị Ú, bà Trần Thị E, bà Huỳnh A M, ông Quách Tài L, bà Lý Ngọc B, bà Trần Thùy L1, ông La Tài T, bà Lư Hồng P, ông Cao Thành H8 quá trình điều tra không yêu cầu bị cáo Lư Thị K bồi T6 nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, điểm a, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lư Thị K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch.

Tại phiên tòa bị cáo Lư Thị K thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, xin lỗi những người bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để về lo trả tiền cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bà Trần Thị Ú, bà Trần Thị E, Huỳnh A M, ông Quách Tài L, bà Trần Thùy L1, ông La Tài T, bà Dương Thị N, Huỳnh Ngọc H1, bà Ngô Thị L2, bà Phạm Thị Xuân L3, bà Phạm Thị X, bà Lư Hồng P, bà Chung Thị H3 (đại diện thừa kế là ông Hứa T2), bà Trần Thị T3, ông Cao Thanh H5, ông Nguyễn Thanh H6, ông Huỳnh Văn G1: Quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo Lư Thị K đều thừa nhận: Vào năm 2014, bị cáo Lư Thị K bắt đầu làm chủ hội và mở nhiều dây hội, loại hội có lãi để hưởng tiền hoa hồng, bị cáo K đã sử dụng tiền đóng hội của các hội viên chi xài cá nhân và lấp hội (đóng thay cho hội viên nợ) hội dẫn đến mất cân đối. Đến tháng 7/2019, bị cáo K có ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng thủ đoạn “*lấy tên không tham gia chơi hội để hút hội và bán hội không cho hội viên*”, bị cáo K mở dây hội 3.000.000 đồng, mở kỳ đầu tiên vào ngày 17/7/2019 dương lịch (tức là ngày 15/6/2019 âm lịch), mỗi tháng mở 01 kỳ, dây hội có 32 phần hội (chân), trong đó, người chơi có thật là 25 phần; bị cáo K tham gia 02 phần và lấy tên không “C”, “*Hai*” và “*H2*” tham gia 04 phần; 01 phần hội tên “*L5*” không rõ là ai; dây hội mở được 03 kỳ đầu do bị cáo K lấy tên hội không để hút rồi chiếm đoạt, cụ thể:

- Các hội viên tham gia 02 phần hội, đóng đủ 03 kỳ với số tiền là 12.900.000 đồng, gồm: Bà Ngô Thị L2, tên hội viên là “*Lón*”; bà Phạm Thị Xuân L3, tên hội viên là “*Con*”; bà Lâm Thị N2, tên hội viên là “*Nói*”; ông Trần Văn Đ, tên hội viên là “*Đồng*”.

- Các hội viên tham gia 01 phần hội, đóng đủ 03 kỳ với số tiền là 6.450.000 đồng, gồm: Bà Trần Thị E, tên hội viên là “*Xế Em*”; bà Huỳnh A M, tên hội viên là “*Số Hon*”; ông Quách Tài L, tên hội viên là “*Khiêm*”; ông Lý Ngọc B, tên hội viên

là “*Trường*”; bà Trần Thùy L1, tên hội viên là “*Liếu*”; ông La Tài T, tên hội viên là “*Thén*”; bà Dương Thị N, tên hội viên là “*Nhỏ*”; bà Huỳnh Ngọc H1, tên hội viên là “*H1*”; Mã Lệ H2, tên hội viên là “*Xía*”; bà Phạm Thị X, tên hội viên là “*Xiếu*”; bà Lư Hồng P, tên hội viên là “*P*”; bà Trần Thị T3, tên hội viên là “*Hạo*”; ông Cao Thành H8, tên hội viên là “*Ông H8*”; ông Nguyễn Thanh H6, tên hội viên là “*Lan*”; bà Trương Thị Tú T1, tên hội viên là “*Giàu*”; bà Chung Thị H3, tên hội viên là “*Kiểm Hui*”.

- Bà Trần Thị Ú tham gia 01 phần hội, tên hội viên là “*Bà H9*”, đã đóng hội 02 kỳ với số tiền là 4.450.000 đồng; đến kỳ thứ ba, bà Ú bỏ hội 1.000.000 đồng để hốt hội nhưng bị cáo K đã lấy tên hội viên không để hốt.

- Tại kỳ mở hội thứ nhất và thứ hai, bị cáo K còn giả vờ nói có hội viên bán phần hội (chồng hội), ông Trần Văn Đ đã mua phần hội với số tiền là 77.550.000 đồng, bà Trương Thị Tú T1 mua phần hội với số tiền là 66.000.000 đồng và bà Chung Thị H3 mua phần hội với số tiền là 68.300.000 đồng. Bị cáo K kêu con gái là Lê Thị Mỹ C viết giấy chồng hội đưa cho ông Đ, bà T1 và bà H3 giữ.

Sau khi phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo Lư Thị K, ngày 14/6/2020 ông Trần Văn Đồng đại D1 cho các hội viên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tố giác.

Bị cáo K cùng chồng là Lê Văn S1 không thừa nhận việc đã nhờ ông Huỳnh Văn G1, bà Lê Thị H7 và bà Lê Thị Mỹ D giả mạo hội viên mà bị cáo K đã lập tên không để tham gia chơi hội, hốt hội. Nhưng các lời khai của ông Huỳnh Văn G1, bà Lê Thị H7 và bà Lê Thị Mỹ D đều xác định khi bị bắt hội thì bị cáo K cùng chồng đã nhờ nói có tham gia hội trên, có nói không sao đâu bị cáo K cùng chồng sẽ bán nhà ở ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu để lấy tiền trả tiền cho các hội viên, nhưng khi bán nhà bị cáo K cùng chồng bỏ trốn không trả tiền cho các hội viên nên ông Huỳnh Văn G1, bà Lê Thị H7 và bà Lê Thị Mỹ D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B trình báo sự việc và thay đổi lời khai là không tham gia chơi hội bị cáo K mà do bị cáo K nhờ nói có tham gia; đồng thời, 03 kỳ hội đã mở bị cáo K kêu và bán phần hội lại cho ông Đ, bà H3 và bà T1

Như vậy, có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lư Thị K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, Biên bản làm việc, đối chất và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có căn cứ xác định bị cáo K vì động cơ vụ lợi cá nhân, làm chủ hội rồi lấy tên không của các hội viên tham gia chơi hội để

hốt hụi để hốt hụi và bán hụi không cho hụi viên đối với dây hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 17/7/2019 để chiếm đoạt của các ông, bà: Trần Văn Đ, Trương Thị Tú T1, Chung Thị H3, Ngô Thị L2, Phạm Thị Xuân L3, Lâm Thị N2, Trần Thị E; Huỳnh A M; Quách Tài L, Lý Ngọc B, Trần Thùy L1, La Tài T, Dương Thị N, Huỳnh Ngọc H1, Mã Lệ H2, Phạm Thị X, Lư Hồng P, Trần Thị T3, Cao Thành H8, Nguyễn Thanh H6, Trần Thị Ú ở kỳ thứ 3 của dây hụi trên với tổng số tiền là 371.100.000 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lư Thị Kiều N3 trên đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo Lư Thị K là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[5] *Xét tính chất, hành vi phạm tội*: Bị cáo Lư Thị K là người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi và đủ khả năng nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo K đã có hành vi lấy tên những người không là hụi viên trong dây hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 17/7/2019 để chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, do chính bị cáo thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của bị cáo. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây mất trật tự trị an tại địa phương mà còn gây ảnh hưởng xấu đến lòng tin của người dân, chiếm đoạt tiền để chi xài mục đích cá nhân. Do đó cần có mức án tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với tổ giác liên quan dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2018 (nhằm ngày 30/02/2018 âm lịch), dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 31/12/2018 (nhằm ngày 25/11/2018 âm lịch) và dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 20/12/2019 (nhằm ngày 25/11/2019 âm lịch), quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác định các dây hụi trên có thật, không có căn cứ xác định bị cáo Kiều lập hụi không, giả mạo hụi viên để hốt hụi chiếm đoạt tài sản, nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với bà Lê Thị H7, bà Lê Thị Mỹ D và ông Huỳnh Văn G1 có hành vi nhận giả danh những người tham gia chơi hụi sau khi bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử đã cho điều tra bổ sung và xác định bà Lê Thị H7, bà Lê Thị Mỹ D và ông Huỳnh Văn G1 trong quá trình điều tra đã biết hành vi sai, không có lợi ích vật chất, nên không có căn cứ xử lý về tội “*Che giấu tội phạm*”, quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự như quan điểm Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đối với ông Lê Văn S1 là chồng bị cáo K có hành vi giúp sức bị cáo K chiếm đoạt tiền của các hụi viên và che giấu tội phạm nhưng ông S1 đã chết và Lê Thị Mỹ C là con của bị cáo K có hành vi giúp bị cáo K ghi các tờ giấy liên quan đến việc bị

cáo K bán hụi, nhưng C không biết bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội nên quá trình điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] *Xét tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận một phần hành vi phạm tội, nhưng Hội đồng xét xử vẫn áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật cho bị cáo; bị cáo K và gia đình đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại nên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về vật chứng trong vụ án*: Đối với các giấy tờ, tài liệu do ông La Văn T4, bà Trần Thị Bích T5, bà Chung Thị H3, bà Trương Thị Tú T1 và ông Huỳnh Văn G1 cung cấp liên quan việc chơi hụi, đưa vào hồ sơ vụ án là đúng quy định pháp luật.

Ngày 18/5/2021, ông Huỳnh Văn G1 giao nộp số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo K đưa cho ông G1 sau khi nhờ ông G1 nói có tham gia dây hụi trên, nên số tiền này là khoản thu lợi bất chính liên quan hành vi phạm tội của bị cáo K, nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Ông Trần Văn Đ yêu cầu bồi thường số tiền 90.450.000 đồng; bà Trương Thị Tú T1 yêu cầu bồi thường số tiền 72.450.000 đồng; bà Chung Thị H3 (đại diện thừa kế anh Hứa T2) yêu cầu bồi thường số tiền 74.750.000 đồng; bà Ngô Thị L2, bà Phạm Thị Xuân L3 và bà Lâm Thị N2 mỗi người yêu cầu bồi thường số tiền 12.900.000 đồng; bà Dương Thị N, bà Huỳnh Ngọc H1, bà Mã Lệ H2, bà Phạm Thị X, bà Trần Thị T3 và ông Nguyễn Thanh H6 mỗi người yêu cầu bồi thường số tiền 6.450.000 đồng.

Ngày 29/3/2020, bị cáo Lư Thị K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giao nộp số tiền 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho các bị hại bà Trần Thị T3, ông Nguyễn Thanh H6, bà Lâm Thị N2, bà Dương Thị N, bà Mã Lệ H2 và bà **Trương Thị Tú T1 (và bà Trần Hoàng T7, bà Phương Thanh H10, bà Trương Thị Diễm K1, ông La Văn T4)** mỗi người 5.000.000 đồng.

Đến ngày 15/8/2024, bà Lý Ngọc B (người thân gia đình bị cáo K1) giao nộp số tiền 20.000.000 đồng đã được chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu quản lý, được chia ra theo tỷ lệ bồi thường cho các bị hại được nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu: bà Huỳnh Ngọc H1 số tiền 451.500 đồng, bà Ngô Thị L2 số tiền 903.000 đồng, bà Trương Thị Tú T1 số tiền 4.721.500 đồng, ông Trần Văn Đ số tiền 7.037.000 đồng, bà Phạm Thị Xuân L3 số tiền 903.000 đồng, bà Phạm Thị X số tiền 451.500 đồng, bà Chung Thị H3 (đại diện thừa kế anh Hứa T2) số tiền 5.532.500 đồng.

Bị cáo Lư Thị K còn phải bồi thường tiếp cho các bị hại số tiền sau: Ông Trần Văn Đ số tiền 83.413.000 đồng; bà Chung Thị H3 (đại diện thừa kế anh Hứa T2) số tiền 69.217.500 đồng; bà Trương Thị Tú T1 số tiền 62.728.500 đồng; bà Lâm Thị N2 số tiền 7.900.000 đồng; bà Ngô Thị L2, bà Phạm Thị Xuân L3 mỗi người số tiền 11.997.000 đồng; bà Dương Thị N, bà Mã Lệ H2, bà Trần Thị T3 và ông Nguyễn Thanh H6 mỗi người số tiền là 1.450.000 đồng; bà Huỳnh Ngọc H1, bà Phạm Thị X mỗi người số tiền là 5.998.500 đồng.

[8] *Về án phí*: Bị cáo Lư Thị K phải chịu án phí hình sự 200.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch **số tiền 13.252.500 đồng (của số tiền phải bồi thường tiếp là 265.050.000 đồng)**.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lư Thị K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lư Thị K 09 (C1) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/7/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lư Thị K có trách nhiệm bồi thường cho: Ông Trần Văn Đ số tiền 83.413.000 đồng (*Tám mươi ba triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng*); bà Chung Thị H3 (đại diện thừa kế anh Hứa T2) số tiền 69.217.500 đồng (*Sáu mươi chín triệu, hai trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng*); bà Trương Thị Tú T1 số tiền 62.728.500 đồng (*Sáu mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng*); bà Lâm Thị N2 số tiền 7.900.000 đồng (*Bảy triệu, chín trăm nghìn đồng*); bà Ngô Thị L2, bà Phạm Thị Xuân L3 mỗi người số tiền 11.997.000 đồng (*Mười một triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng*); bà Dương Thị N, bà Mã Lệ H2, bà Trần Thị T3 và ông Nguyễn Thanh H6 mỗi người số tiền là 1.450.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); bà Huỳnh Ngọc H1, bà Phạm Thị X mỗi người số tiền là 5.998.500 đồng (*Năm triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*)

Bà Huỳnh Ngọc H1 và bà Phạm Thị X mỗi người được nhận số tiền 451.500 đồng (*Bốn trăm năm mươi một nghìn, năm trăm đồng*); bà Ngô Thị L2 và bà Phạm Thị Xuân L3 mỗi người được nhận số tiền 903.000 đồng (*Chín trăm lẻ ba nghìn đồng*); bà Trương Thị Tú T1 được nhận số tiền 4.721.500 đồng (*Bốn triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, năm trăm đồng*), ông Trần Văn Đ được nhận số tiền 7.037.000 đồng (*Bảy triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn đồng*), bà Chung Thị H3 (đại diện thừa kế anh Hứa T2) được nhận số tiền 5.532.500 đồng (*Năm triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

(*Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu theo Biên lai thu tiền số 0000652 ngày 24/10/2024*).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Lư Thị K phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án phí dân sự có giá ngạch **bị cáo Lư Thị K phải nộp số tiền 13.252.500 đồng** (*Mười ba triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo và những người có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành phố Bạc Liêu;
- CQ Điều tra thành phố Bạc Liêu;

- Chi Cục THA.DS thành phố Bạc Liêu;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Lưu.

Võ Phương Bình